

HOẠT ĐỘNG BAO THANH TOÁN TẠI CÁC CÔNG TY TÀI CHÍNH: CẦN HOÀN THIỆN KHUNG PHÁP LÝ ĐỂ PHÁT TRIỂN

Trương Văn Khánh¹, Vũ Thanh Long²

^{1,2} Trường Đại học Văn Hiến

² LongVT@vhu.edu.vn

Ngày nhận bài: 03/01/2017; Ngày duyệt đăng: 20/06/2017

TÓM TẮT

Bài viết nghiên cứu khung pháp lý cho hoạt động bao thanh toán tại các công ty tài chính, bên cạnh đánh giá những kết quả đạt được, nghiên cứu nêu ra những hạn chế cần khắc phục, bao gồm: (i) thiếu tính đồng bộ trong quy định pháp luật về chuyển nhượng các khoản phải thu; (ii) chưa xác định đầy đủ bản chất của hoạt động bao thanh toán; (iii) việc xác định các khoản phải thu hiện tại và khoản phải thu trong tương lai chưa cụ thể; (iv) chưa ban hành quy định giao dịch chuyển nhượng các khoản phải thu phải đăng ký qua cơ quan nhà nước có thẩm quyền và (v) còn thiếu nhiều thông tin về hoạt động bao thanh toán trong hệ thống thông tin tín dụng. Bài viết sử dụng chủ yếu phương pháp mô tả, so sánh, đối chiếu và suy đoán để nghiên cứu, đánh giá thực tiễn và đề xuất một số giải pháp bổ sung, hoàn thiện khung pháp lý, góp phần thúc đẩy hoạt động bao thanh toán của các công ty tài chính trong tương lai.

Từ khóa: bao thanh toán, công ty tài chính, khoản phải thu.

ABSTRACT

Factoring service in financial companies – regulatory framework to be improved for development

This article studies the regulatory framework for the factoring service in financial companies. Apart from reviewing the findings, the study addresses limitations that require corrective actions, including: (i) inconsistency in the regulatory instruments pertaining to transfer of receivables; (ii) failure to comprehensively identify the nature of the factoring service; (iii) unspecified identification of current and future receivables; (iv) failure to issue the rule that registration of receivables transfer at the competent authority is mandatory; and (v) lack of information on factoring in the financing information system. The article mainly adopts the methods of description, comparison and projection to study and review the practices and propose some solutions regarding additions to and improvements in the regulatory framework, making contributions to the promotion of the factoring service of financial companies in the future.

Key words: factoring, financial companies, receivables.

1. Đặt vấn đề

Bao thanh toán (BTT), một trong

những hình thức cấp tín dụng góp phần thúc đẩy giao thương quốc tế và thương

mai trong nước tại nhiều quốc gia trên thế giới. Tại Việt Nam, qua gần 10 năm, các tổ chức tín dụng (TCTD) triển khai hoạt động BTT vẫn còn ở quy mô nhỏ, BTT chủ yếu được một số ngân hàng thương mại (NHTM) thực hiện và hầu hết các công ty tài chính chưa triển khai được hoạt động này. Nguyên do, ngoài những tác động từ môi trường kinh tế vĩ mô, nhiều TCTD hạn chế năng lực kinh doanh,...hoạt động BTT còn thiếu các điều kiện cần thiết về khung pháp lý, chưa tạo điều kiện cho các TCTD phát triển hoạt động BTT trong những năm qua.

Gần đây, Chính phủ ban hành Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/05/2014 về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính; trong đó, quy định công ty tài chính tổng hợp và công ty tài chính BTT được thực hiện hoạt động BTT. Đồng thời, quy định công ty tài chính BTT phải đạt dư nợ BTT tối thiểu chiếm 70% tổng dư nợ cấp tín dụng, là một trong những định hướng quan trọng thúc đẩy lĩnh vực chính yếu của công ty tài chính BTT. Tuy vậy, khung pháp lý cho hoạt động BTT đến nay vẫn chưa được đồng bộ và hình thành đầy đủ để tạo thuận lợi cho các TCTD mở rộng hoạt động BTT. Bài viết tập trung vào nghiên cứu những quy định pháp luật liên quan đến hoạt động BTT và đề xuất những giải pháp hoàn thiện khung pháp lý, là một nhân tố quan trọng góp phần thúc đẩy hoạt động BTT, cung cấp nhiều tiện ích cho các doanh nghiệp trong quá trình tiếp cận nguồn vốn tín dụng của CTTC nói riêng và TCTD nói chung.

2. Cơ sở lý luận về hoạt động bao thanh toán tại các công ty tài chính

Hoạt động BTT được Hiệp hội bao thanh toán quốc tế định nghĩa là một gói

tài chính hoàn chỉnh kết hợp tài trợ vốn lưu động, bảo vệ rủi ro tín dụng, quản lý các khoản phải thu (KPT) và thu hồi công nợ (Factors Chain International-FCI, 2014).

Quy định chung về hoạt động BTT quốc tế theo ấn bản tháng 06/2013 của FCI (General Rules for International Factoring Verion FCI June 2013), BTT là hoạt động thực hiện theo hợp đồng, theo đó nhà cung cấp sẽ chuyển nhượng các KPT (hay một phần của các KPT) cho một đơn vị BTT, để thực hiện ít nhất một trong các chức năng theo dõi công nợ (sổ sách kế toán) liên quan đến các khoản phải thu, thu tiền các khoản nợ phải thu, phòng ngừa rủi ro nợ xấu.

Như vậy, BTT là hoạt động tài trợ vốn lưu động (là hoạt động cấp tín dụng), là một gói tài chính hoàn chỉnh, bao gồm sự kết hợp tài trợ vốn lưu động, bảo vệ rủi ro tín dụng, quản lý các KPT và thu hồi công nợ. Qua đó, BTT đem lại nhiều lợi ích cho doanh nghiệp trong việc quản lý, thu hồi công nợ, giúp các TCTD giảm áp lực về hạn mức tín dụng và giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Về cơ chế hoạt động BTT được tóm tắt như sau:

(i) Khách hàng ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ và cung cấp hợp đồng này cho đơn vị BTT thẩm định để quyết định ký kết hợp đồng BTT

(ii) Khách hàng cung cấp các tài liệu bán hàng (Hợp đồng thương mại, chứng từ, hóa đơn) để đơn vị BTT thực hiện thanh toán cho khách hàng và theo dõi các KPT.

(iii) Đơn vị BTT gửi báo cáo hàng tháng cho khách hàng và thông báo thu hồi nợ khi đến hạn.

(iv) Đơn vị BTT thu hồi nợ vào ngày

đến hạn thanh toán của hoá đơn.

Đơn vị BTT (Factor), đây là một tổ chức tài chính cung cấp dịch vụ liên quan đến quản lý tài chính và các khoản nợ phát sinh từ doanh thu tín dụng thương mại. Tổ chức tài chính này hoạt động như một trung gian tài chính giữa người mua và người bán (Rai University, 2012).

Theo Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/05/2014, công ty tài chính tổng hợp và công ty tài chính BTT là các công ty tài chính hoạt động trong lĩnh vực BTT. Qua các khái niệm, cho thấy các công ty tài chính này là các đơn vị BTT. Trong đó, công ty tài chính BTT là đơn vị hoạt động chính yếu trong lĩnh vực BTT.

Đơn vị BTT đóng vai trò quan trọng trong quá trình hoạt động BTT. Theo Công ước UNIDROIT về BTT quốc tế quy định BTT là một hoạt động được tiến hành trên cơ sở hợp đồng BTT giao kết giữa người cung cấp hàng hóa, dịch vụ và đơn vị bao thanh toán. Tại Khoản 2, Điều 1 nêu rõ, người cung cấp chuyển giao hay sẽ chuyển giao cho đơn vị BTT các KPT phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ giữa người cung cấp và khách hàng của họ. Theo đó, đơn vị BTT phải thực hiện ít nhất hai trong số các chức năng:

Một là, tài trợ cho người cung cấp, bao gồm cho vay và ứng tiền trước. Đơn vị BTT ứng trước một phần tiền cho khách hàng và số nợ được thanh toán theo kỳ hạn của các KPT, giúp cải thiện dòng tiền mặt của khách hàng.

Hai là, theo dõi công nợ (sổ sách kế toán) liên quan đến các KPT. Đơn vị BTT thu thập các KPT của khách hàng, quản lý sổ sách kế toán và lịch trình thu nợ, giúp giảm thời gian cho khách hàng để tập trung vào phát triển kinh doanh.

Ba là, thu tiền từ các khoản nợ phải thu. Qua việc quản lý sổ kế toán bán hàng, bao gồm cả lưu giữ hồ sơ tín dụng, lịch trình thu nợ, đơn vị BTT thu hồi các KPT khi đến hạn.

Bốn là, bảo vệ người bán trước trường hợp người mua không thanh toán. Đơn vị BTT chịu những tổn thất trong trường hợp vỡ nợ của con nợ và chịu rủi ro tín dụng nhất là trong trường hợp BTT không truy đòi.

Mặt khác, đơn vị BTT tư vấn cho khách hàng về kinh doanh, về xác định và lựa chọn các chủ nợ thương mại tiềm năng, dựa trên thông tin tín dụng; tư vấn về các xu hướng kinh doanh hiện tại, những tác động sắp xảy ra trong lĩnh vực thương mại và công nghiệp,... để giúp khách hàng phòng ngừa và ứng phó với rủi ro trong kinh doanh.

3. Khung pháp lý cho hoạt động BTT tại các CTTC

Khung pháp lý cho hoạt động BTT tại Việt Nam đã được hình thành theo Luật các TCTD số 47/2010/QH12 được Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 16/06/2010 và Quy chế hoạt động BTT của các TCTD được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) ban hành theo Quyết định số 1096/2004/QĐ-NHNN ngày 06/09/2004. Theo đó, Luật các TCTD quy định hoạt động BTT là hình thức cấp tín dụng cho bên bán hàng hoặc bên mua hàng thông qua việc mua lại có bảo lưu quyền truy đòi các KPT hoặc các khoản phải trả phát sinh từ việc mua, bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ theo hợp đồng mua, bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ (Điều 4); Quy chế hoạt động BTT quy định điều kiện để được hoạt động BTT, trình tự và thủ tục chấp

thuận hoạt động BTT, loại hình BTT, phương thức BTT, quy trình hoạt động bao thanh toán, quyền và nghĩa vụ các bên tham gia hoạt động BTT,... Khung pháp lý cho hoạt động BTT đã có những điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện dần, có những ưu điểm, tạo điều kiện cho phát triển hoạt động BTT. Tuy vậy, khung pháp lý cho hoạt động BTT vẫn còn những nhược điểm cần khắc phục. Đồng thời, với những cơ hội giúp cho việc hoàn thiện khung pháp lý cho hoạt động BTT, song cũng không ít những gây khó khăn thách thức làm cản trở quá trình này.

3.1. Về ưu điểm

Thứ nhất, khung pháp lý tạo điều kiện mở rộng phạm vi và đối tượng khách hàng: Quy chế hoạt động BTT được sửa đổi, bổ sung, tạo điều kiện cho hoạt động BTT được mở rộng hơn, ngoài việc thực hiện BTT cho bên bán hàng thông qua việc mua lại các KPT phát sinh từ việc mua bán

hàng hoá, còn thực hiện BTT cho bên bán hàng thông qua việc mua lại các KPT phát sinh từ cung ứng dịch vụ. (Bảng 1).

Thứ hai, khung pháp lý thúc đẩy đa dạng hóa hoạt động BTT: Quy chế hoạt động BTT, quy định hoạt động BTT khá đa dạng các loại hình và phương thức BTT, tạo điều kiện cho các đơn vị BTT đa dạng hóa hoạt động BTT. Trong đó, bao gồm các loại BTT trong nước, BTT xuất-nhập khẩu, BTT có quyền truy đòi, BTT không có quyền truy đòi và các phương thức BTT từng lần, BTT theo hạn mức, đồng BTT. Bên cạnh, Luật các TCTD, tạo khung pháp lý cho hoạt động BTT mở rộng hơn về đối tượng khách hàng đến bên mua và thực hiện BTT đến các khoản phải trả. Do vậy, ngoài hoạt động BTT (factoring) được thực hiện như trước, từ đầu năm 2011 BTT ngược (reverse factoring, thực hiện BTT cho bên mua), quy định pháp luật cho phép thực hiện tại các TCTD (Bảng 1).

Bảng 1: Tiến trình hoàn thiện khung pháp lý hoạt động BTT (từ tháng 10/2004 đến tháng 10/2014)

Thời gian	Tổ chức BTT	Đối tượng khách hàng	Phạm vi bao thanh toán
10/2004-11/2008	- NHTM; - Ngân hàng liên doanh; - Ngân hàng 100% vốn nước ngoài; - Chi nhánh ngân hàng nước ngoài; - Công ty tài chính.	Bên bán hàng hóa	KPT bán hàng hoá
11/2008-12/2010	- NHTM; - Ngân hàng liên doanh; - Ngân hàng 100% vốn nước ngoài;	Bên bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.	KPT bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ.

Thời gian	Tổ chức BTT	Đối tượng khách hàng	Phạm vi bao thanh toán
	<ul style="list-style-type: none"> - Chi nhánh ngân hàng nước ngoài; - Công ty tài chính; - Công ty cho thuê tài chính (đối với khách hàng là bên thuê) 		
01/2011-06/2014	<ul style="list-style-type: none"> - NHTM; - Ngân hàng liên doanh; - Ngân hàng 100% vốn nước ngoài; - Chi nhánh ngân hàng nước ngoài; - Công ty tài chính; - Công ty cho thuê tài chính (khi được NHNN chấp thuận) 	<ul style="list-style-type: none"> - Bên bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; - Bên mua hàng hóa, dịch vụ. 	<ul style="list-style-type: none"> - KPT bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ; - Khoản phải trả mua hàng hoá, dịch vụ.
06/2014 Đến nay	<ul style="list-style-type: none"> - NHTM; - Ngân hàng liên doanh; - Ngân hàng 100% vốn nước ngoài; - Chi nhánh ngân hàng nước ngoài; - Công ty tài chính; - Công ty tài chính BTT; - Công ty cho thuê tài chính (khi được NHNN chấp thuận) 	<ul style="list-style-type: none"> - Bên bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ (Bên bán); - Bên mua hàng hóa, dịch vụ (Bên mua). 	<ul style="list-style-type: none"> - KPT bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ; - Khoản phải trả mua hàng hoá, dịch vụ.

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ các quy định pháp luật tại Việt Nam về hoạt động BTT.

3.2. Về nhược điểm

Một là, thiếu tính đồng bộ trong quy định pháp luật về chuyển nhượng các khoản phải thu (KPT): Quy chế hoạt động BTT ban hành trên cơ sở Luật các TCTD năm 1997 là luật hết hiệu lực thi hành, chưa được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với Luật các TCTD năm 2010. Bên cạnh, Luật các TCTD năm 2010 quy định BTT là hình thức cấp tín dụng, nhưng chưa thể hiện đầy đủ hơn về hoạt động BTT là

một gói tài chính hoàn chỉnh, bao gồm bảo vệ rủi ro tín dụng, quản lý các KPT và thu hồi công nợ.

Hai là, việc xác định các KPT hiện tại (KPT đã hình thành tại thời điểm giao dịch) và KPT trong tương lai (KPT sẽ được hình thành tại một thời điểm giao dịch hàng hóa trong tương lai theo giá trị và thời hạn phải thu hồi được nêu rõ trong Hợp đồng thương mại. Dựa vào KPT này, các TCTD có thể thực hiện hoạt động BTT

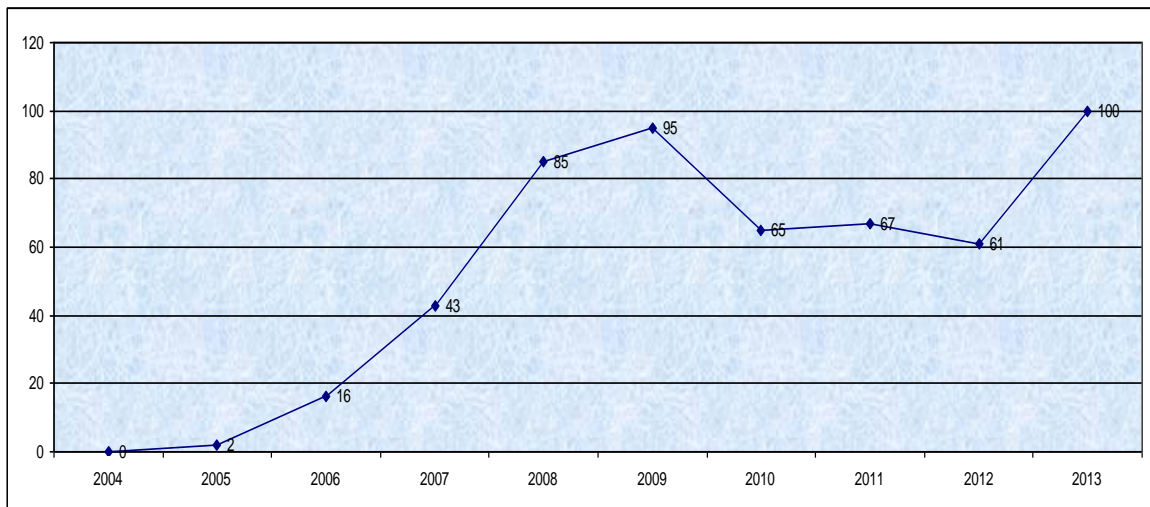
ứng trước cho khách hàng) chưa cụ thể. Trong KPT chưa xác định chi tiết KPT hiện tại, đặc biệt là chưa xác định KPT tương lai để đảm bảo thu hồi nợ BTT ứng trước cho khách hàng.

3.3. Về cơ hội

Thứ nhất, khung pháp lý liên quan đến hoạt động BTT có tác động tích cực đến việc sớm hoàn thiện khung pháp lý cho hoạt động BTT: Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/05/2014 của Chính phủ về hoạt động của CTTC và công ty cho thuê tài chính quy định CTTC được thực hiện hoạt động BTT khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện: Có đội ngũ cán bộ đủ trình độ, năng

lực chuyên môn, cơ sở vật chất, công nghệ, phương tiện, thiết bị và các quy định nội bộ theo quy định của pháp luật; đáp ứng đầy đủ các điều kiện nghiệp vụ, có quy định nội bộ về quy trình, thủ tục, nguyên tắc nhận biết khách hàng để giám sát chặt chẽ, bảo đảm ngăn ngừa việc bị lạm dụng cho các mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố và tội phạm khác,... Quy định này nhằm đảm bảo kiểm soát chặt chẽ hoạt động BTT và giúp cho hoạt động BTT của các CTTC được an toàn và hiệu quả. Đồng thời, quy định này có tác động thúc đẩy hình thành khung pháp lý đầy đủ, đồng bộ cho hoạt động BTT cho các CTTC nói riêng và các TCTD nói chung.

Hình 1: Doanh số BTT của Việt Nam giai đoạn 2004-2013 (triệu EUR)



Nguồn: *Finansal Kurumlar Birliği (2011)* và *Factors Chain International (2014)*

Thứ hai, hoàn thiện khung pháp lý cho hoạt động BTT trên nền tảng thực tiễn hoạt động BTT: Qua gần mười năm triển khai hoạt động BTT tại Việt Nam, từ năm 2004 khung pháp lý cho phép các TCTD triển khai hoạt động BTT, sau một năm doanh số chỉ đạt 2 triệu EUR, đến cuối năm 2013

đã gia tăng đến 100 triệu EUR (Hình 1). Đây là cơ sở đánh giá, đúc kết kinh nghiệm thực tiễn việc triển khai hoạt động BTT để hoàn thiện khung pháp lý cho hoạt động BTT đầy đủ, đồng bộ và phù hợp với các quy định pháp luật đang có hiệu lực thi hành tại Việt Nam và thông lệ quốc tế về

hoạt động BTT.

3.4. Về thách thức

Việc hoàn thiện khung pháp lý cho hoạt động BTT gặp một số thách thức do các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động BTT chưa đầy đủ. Trong đó, bao gồm:

Một là, Luật thương mại và các quy định hướng dẫn về giao dịch đảm bảo chưa quy định các giao dịch chuyển nhượng các KPT được quy định phải đăng ký qua cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quy chế BTT quy định bên mua gửi văn bản cho bên bán và đơn vị BTT xác nhận về việc đã nhận được thông báo và cam kết về việc thực hiện thanh toán cho đơn vị BTT. Trường hợp bên mua không có văn bản cam kết thực hiện thanh toán cho đơn vị BTT thì việc tiếp tục thực hiện BTT giữa bên bán và đơn vị BTT sẽ do hai bên quyết định và tự chịu trách nhiệm khi có rủi ro phát sinh (Khoản 6, Điều 1, Quyết định số 30/2008/QĐ-NHNN). Như vậy, việc bên mua gửi văn bản xác nhận cho bên bán và đơn vị BTT, cũng như không có văn bản cam kết thực hiện sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro cho đơn vị BTT khi chưa có quy định về đăng ký giao dịch đảm bảo cho các KPT, khoản phải trả, để có cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận đăng ký về giao dịch BTT.

Hai là, còn thiếu nhiều thông tin về hoạt động BTT trong hệ thống thông tin tín dụng: Các quy định về cung cấp thông tin và nguồn thông tin từ hệ thống thông tin tín dụng chưa thể hiện chi tiết về BTT cho từng các KPT của mỗi doanh nghiệp.

4. Giải pháp hoàn thiện khung pháp lý cho hoạt động BTT tại các CTTC

Thứ nhất, ban hành quy định mới

hướng dẫn về hoạt động BTT: Trên cơ sở phát huy ưu điểm và tận dụng cơ hội cho hoàn thiện khung pháp lý về hoạt động BTT, tiến hành đánh giá, đúc kết kinh nghiệm thực tiễn việc triển khai hoạt động BTT để ban hành quy định mới hướng dẫn về hoạt động BTT. Theo đó, duy trì quy định về phạm vi và đối tượng khách hàng, duy trì các loại hình, phương thức BTT đa dạng hiện có và mở rộng thêm BTT có quyền truy đòi. Kế thừa các quy định về hoạt động BTT tại Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/05/2014, bao gồm: Có đội ngũ cán bộ đủ trình độ, năng lực chuyên môn, cơ sở vật chất, công nghệ, phương tiện, thiết bị và các quy định nội bộ theo quy định của pháp luật; đáp ứng đầy đủ các điều kiện nghiệp vụ, có quy định nội bộ về quy trình, thủ tục, nguyên tắc nhận biết khách hàng để giám sát chặt chẽ hoạt động BTT,...

Đồng thời, phát huy ưu điểm và khắc phục nhược điểm trong hoàn thiện khung pháp lý về hoạt động BTT, quy định mới cần thể hiện được tính đặc thù, lợi thế của hoạt động BTT, giúp các đơn vị BTT xây dựng được quy trình hoạt động BTT theo đúng thực chất là một gói tài chính hoàn chỉnh và bảo vệ rủi ro tín dụng. Bên cạnh quy định chi tiết các KPT hiện tại, pháp luật cần quy định cụ thể đối với các KPT trong tương lai sẽ được hình thành khi người bán chuyển giao hàng hoá, dịch vụ cho người mua theo hợp đồng đã giao kết. Theo đó, các đơn vị BTT ứng trước tiền cho người bán kịp thời đáp ứng cho nhu cầu hoạt động kinh doanh và phát triển hoạt động BTT trên cơ sở pháp lý được quy định chặt chẽ.

Thứ hai, hoàn thiện đầy đủ và đồng bộ các quy định pháp luật có liên quan

đến hoạt động BTT: Phát huy ưu điểm và hạn chế những thách thức trong hoàn thiện khung pháp lý về hoạt động BTT, bên cạnh ban hành quy định mới hướng dẫn về hoạt động BTT, cần bổ sung quy định của Luật thương mại và các quy định hướng dẫn về giao dịch đảm bảo đối với các giao dịch chuyển nhượng các KPT phải đăng ký qua cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Việc đăng ký giao dịch chuyển nhượng các KPT tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền được xem là đăng ký giao dịch đảm bảo, giúp khắc phục tình trạng BTT phải dùng các hình thức bảo đảm bao gồm: ký quỹ, cầm cố, thế chấp tài sản, bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba để thực hiện BTT cho khách hàng. Đồng thời, tránh tình trạng người bán chuyển nhượng các KPT cho nhiều đơn vị BTT hay thế chấp, cầm cố tại nhiều TCTD, hoặc tình trạng gian lận trong việc xác lập không các KPT để tham gia hoạt động BTT. Mặt khác, bổ sung thêm thông tin về hoạt động BTT trong hệ thống thông tin tín dụng. Quy định việc cung cấp và cập nhật thông tin hoạt động BTT tại các đơn vị BTT chi tiết đối với từng khách hàng và từng KPT, khoản phải trả. Các thông tin liên quan đến hoạt động BTT được tạo lập và cập nhật thường xuyên nhằm kiểm soát, đánh giá chất lượng tín dụng của KH, kiểm soát rủi ro, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động BTT và đảm bảo an toàn trong hoạt động cho các đơn vị BTT.

Thứ ba, quy định chi tiết hơn về một số điều kiện hoạt động của CTTC: Trên cơ sở tận dụng cơ hội, khắc phục nhược điểm trong việc hoàn thiện hoạt động BTT, một số điều kiện quan trọng cần quy định chi tiết đối với hoạt động BTT của CTTC, bao gồm: Ngoài quy định phải có tình hình tài

chính tốt, cần quy định việc đầu tư hệ thống công nghệ ngân hàng phù hợp để quản lý cơ sở dữ liệu và thông tin hoạt động BTT đầy đủ. Quy định đối với ban lãnh đạo phải có kiến thức và hiểu biết về kinh doanh và rủi ro liên quan đến hoạt động BTT; nhân viên phải có đủ kiến thức, chuyên môn và hiểu biết trong giao dịch BTT; nhân viên có kiến thức và kỹ năng về phân tích tín dụng, quản lý rủi ro, thu thập dữ liệu và xử lý thông tin; bên cạnh phải có hệ thống kiểm soát nội bộ tốt để đánh giá chất lượng tín dụng của KH và nợ phải thu.

5. Kết luận

Hoạt động BTT là một gói tài chính hoàn chỉnh kết hợp tài trợ vốn lưu động, bảo vệ rủi ro tín dụng, quản lý các KPT và thu hồi công nợ. Theo đó, công ty tài chính BTT phải thực hiện ít nhất hai trong số các chức năng về tài trợ cho người cung cấp, bao gồm cho vay và ứng tiền trước; theo dõi sổ sách liên quan đến các KPT; thu tiền từ các KPT; bảo vệ người bán trước trường hợp người mua không thanh toán; bên cạnh việc tư vấn cho khách hàng, giúp khách hàng phòng ngừa và ứng phó với rủi ro trong kinh doanh. Khung pháp lý tại Việt Nam được hoàn thiện dần theo hướng mở rộng đối tượng khách hàng, phạm vi BTT, đa dạng các đơn vị BTT và đến nay quy định trong các đơn vị BTT có sự góp mặt của công ty chuyên ngành là công ty tài chính BTT. Đồng thời, tác động tích cực đến thành lập các đơn vị BTT, thúc đẩy phát triển hoạt động BTT trong nước và BTT quốc tế, đáp ứng nhu cầu vốn cho giao dịch thương mại trong nước và giao thương quốc tế. Tuy vậy, khung pháp lý vẫn còn một số hạn chế. Việc ban hành quy định mới về hoạt động BTT, xác định

cụ thể về các KPT hiện tại và KPT trong tương lai, quy định các giao dịch chuyển nhượng các KPT được quy định phải đăng ký qua cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bổ sung thêm thông tin về hoạt động BTT trong hệ thống thông tin tín dụng và quy

định chi tiết hơn về một số điều kiện hoạt động của công ty tài chính BTT là những giáp pháp góp phần hoàn thiện khung pháp lý cho hoạt động hiện nay của các đơn vị BTT và hoạt động của công ty tài chính BTT trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Chính phủ (2014), Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/05/2014 về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính.
- [2]. Factors chain international (2014), *Factoring turnover by country in 2013*, <http://www.fci.nl/about-fci/statistics/current-factoring-turnover-by-country>
- [3]. Factors chain international (2014), Total Factoring Volume by Country in the last 7 years, <http://www.fci.nl/about-fci/statistics/total-factoring-volume-by-country-last-7-years>
- [4]. Factors chain international (2014), *About factoring*, Factors chain international, <http://www.fci.nl/about-factoring>
- [5]. Finansal Kurumlar Birliği (2011), *Turkish factoring industry*, http://www.fkb.org.tr/Sites/1/upload/files/Turkish_Factoring_Industry_2011-137.pdf
- [6]. Institut international pour l'unification du droit privé (1988), *Unidroit convention on international factoring*, <http://www.unidroit.org/instruments/factoring>
- [7]. Ngân hàng Nhà nước (2004), Quy chế hoạt động BTT của các TCTD ban hành theo Quyết định số 1096/2004/QĐ-NHNN ngày 06/09/2004.
- [8]. Ngân hàng Nhà nước (2008), Quyết định số 30/2008/QĐ-NHNN ngày 16/10/2008 sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế hoạt động BTT của các TCTD ban hành theo Quyết định số 1096/2004/QĐ-NHNN ngày 06/09/2004.
- [9]. Rai University (2012), Management of Financial Services. *Established by Jharkhand state legislature by Jharkhand Act No 03 of 2012 as per Section 2f of UGC Act, p 143.*